

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 28
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định, tiền thân là Công ty Cổ phần Ba Lan, được chuyển đổi từ Xi nghiệp Chế biến và kinh doanh lương thực thực phẩm Hà Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056632 ngày 19 tháng 11 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi 02 lần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh các loại bia, cồn rượu và nước giải khát;
- Sản xuất, chế biến và mua bán lương thực, thực phẩm;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc, thiết bị, ô tô;
- Đại lý tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Xuân Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên
Ông Phạm Văn Hiền	Thành viên
Ông Đặng Quang Thắng	Thành viên
Ông Lê Vũ Đại	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Hiến	Giám đốc
Ông Đặng Quang Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Vũ Đại	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nam Định, ngày 12 tháng 02 năm 2014

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Phạm Văn Hiến



Số: ĐL/2014/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đang trình bày giá trị còn lại của công cụ, vật tư luân chuyển là bom bia đã xuất dùng trên khoản mục "Hàng tồn kho (Công cụ, dụng cụ)" thay vì trình bày trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6.797.577.514 đồng (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 8.523.868.091 đồng). Nếu điều chỉnh giá trị còn lại của công cụ, vật tư luân chuyển là bom bia đã xuất dùng nêu trên sang khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" thì chỉ tiêu hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm và chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" sẽ tăng số tiền là 6.797.577.514 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giảm và tăng tương ứng là 8.523.868.091 đồng).

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc**

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.441.341.578	15.094.305.494
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.368.137.725	2.136.866.017
1.	Tiền	111	V.01	368.137.725	36.866.017
2.	Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	2.100.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		682.227.381	738.161.129
1.	Phải thu khách hàng	131		404.611.891	285.717.190
2.	Trả trước cho người bán	132		-	86.680.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	277.615.490	365.763.939
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		9.923.940.689	11.861.476.406
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	9.923.940.689	11.861.476.406
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		467.035.783	357.801.942
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		59.962.558	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	400.905.591	281.243.320
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	6.167.634	76.558.622

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.388.503.360	17.604.672.164
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		15.288.033.099	17.511.849.501
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	15.270.033.099	17.511.849.501
	- Nguyên giá	222		34.838.649.037	34.984.693.115
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.568.615.938)	(17.472.843.614)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	18.000.000	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		100.470.261	92.822.663
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	100.470.261	92.822.663
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.829.844.938	32.698.977.658

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		9.997.386.534	10.083.395.764
I.	Nợ ngắn hạn	310		9.997.386.534	10.083.395.764
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		1.189.847.111	1.418.506.691
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	40.727.273
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	267.545.992	192.295.472
5.	Phải trả người lao động	315		1.038.415.740	712.610.599
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	7.357.151.792	7.719.176.852
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		144.425.899	78.877
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.832.458.404	22.615.581.894
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	22.832.458.404	22.615.581.894
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		445.967.436	269.542.601
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		373.367.436	269.542.601
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.013.123.532	2.076.496.692
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.829.844.938	32.698.977.658

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nam Định, ngày 06 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng

Lê Vũ Đại

Giám đốc



Phạm Văn Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	48.814.220.251	47.555.381.111
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	10.062.090.801	9.313.341.297
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	38.752.129.450	38.242.039.814
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	29.014.090.205	28.452.807.764
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.738.039.245	9.789.232.050
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	289.566.100	68.128.600
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	-	44.529.532
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	44.529.532
8.	Chi phí bán hàng	24		4.362.238.461	4.334.721.411
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.359.233.590	2.998.817.392
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.306.133.294	2.479.292.315
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	756.770.665	634.299.258
12.	Chi phí khác	32	VI.08	340.660.351	554.008.461
13.	Lợi nhuận khác	40		416.110.314	80.290.797
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.722.243.608	2.559.583.112
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	709.120.076	483.086.420
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.013.123.532	2.076.496.692
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.007	1.038

Nam Định, ngày 06 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu



Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng



Lê Vũ Đại



Phạm Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.722.243.608	2.559.583.112
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		2.222.891.284	2.295.090.872
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(289.566.100)	(31.893.347)
-	Chi phí lãi vay	06		-	44.529.532
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		4.655.568.792	4.867.310.169
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		55.933.748	(246.966.245)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.937.535.717	1.125.192.360
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(66.733.288)	441.734.531
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(67.610.156)	(54.538.905)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		-	(44.529.532)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(828.666.116)	(1.285.821.135)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		70.390.988	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		204.715.123	(83.446.463)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		5.961.134.808	4.718.934.780
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(119.000.000)	(1.275.525.273)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	448.000.000
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		289.566.100	68.128.600
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		170.566.100	(759.396.673)

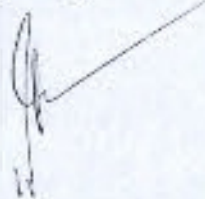
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
 Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	133.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(777.391.089)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.900.429.200)	(1.240.386.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.900.429.200)	(1.884.777.089)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.231.271.708	2.074.761.018
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.136.866.017	62.104.999
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.368.137.725	2.136.866.017

Nam Định, ngày 06 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu



Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng



Lê Vũ Đại

Giám đốc



Phạm Văn Hiện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh các loại bia, cồn rượu và nước giải khát;
- Sản xuất, chế biến và mua bán lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc, thiết bị, ô tô;
- Đại lý tiêu thụ sản phẩm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	7 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	3 – 8 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH

Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
01. Tiền		
- Tiền mặt	15.922.461	20.171.519
- Tiền gửi ngân hàng	352.215.264	16.694.498
Cộng	368.137.725	36.866.017
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	277.615.490	365.763.939
+ Phải thu tiền cho vay (*)	126.370.000	200.000.000
+ Bảo hiểm tỉnh Nam Định	21.713.790	71.761.939
+ Phải thu khác	129.531.700	94.002.000
Cộng	277.615.490	365.763.939
(*) Bao gồm:		
Cho Ông Mai Văn Nam vay số tiền 26.370.000 đồng với lãi suất 1,29%/tháng.		
Cho Bà Nguyễn Thị Lệ vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 0,6%/tháng.		
03. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.803.690.554	2.040.277.983
- Công cụ, dụng cụ	7.086.977.558	8.836.813.604
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	956.710.081	884.900.835
- Hàng hoá	76.562.496	99.483.984
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	9.923.940.689	11.861.476.406
04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	400.789.360	281.243.320
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	116.231	-
Cộng	400.905.591	281.243.320
05. Tài sản ngắn hạn khác		
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	6.167.634	76.558.622
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	6.167.634	76.558.622

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá		6.337.338.154	25.707.336.212	2.723.111.130	216.907.619	34.984.693.115
Số dư đầu năm		62.000.000	-	-	39.000.000	101.000.000
- Mua trong năm		-	-	-	-	-
- Tặng khác		-	-	-	(37.860.000)	(247.044.078)
- Thanh lý, nhượng bán		-	(209.184.078)	-	-	-
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận		6.399.338.154	25.498.152.134	2.723.111.130	218.047.619	34.838.649.037
Số dư cuối năm		-	-	-	49.389.466	17.472.843.614
II. Giá trị hao mòn lũy kế		2.258.103.217	13.874.396.943	1.290.953.988	13.952.384	2.222.891.284
Số dư đầu năm		274.407.416	1.745.241.528	189.289.956	-	-
- Khấu hao trong năm		-	-	-	-	-
- Tặng khác		-	-	-	(16.042.000)	(127.118.960)
- Thanh lý, nhượng bán		-	(111.076.960)	-	-	-
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận		2.532.510.633	15.508.561.511	1.480.243.944	47.299.850	19.568.615.938
Số dư cuối năm		4.079.234.937	11.832.939.269	1.432.157.142	167.518.153	17.511.849.501
III. Giá trị còn lại		3.866.827.521	9.989.590.623	1.242.867.186	170.747.769	15.270.033.099
I. Tại ngày đầu năm		-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm		-	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 5.903.398.556 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
 Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công trình hệ thống xử lý nước thải	18.000.000	-
Cộng	18.000.000	-

08. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã sử dụng chờ phân bổ	100.470.261	92.822.663
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Cộng	100.470.261	92.822.663

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	106.336.291	71.054.678
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	161.209.701	120.677.025
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	563.769
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Cộng	267.545.992	192.295.472

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	30.750.292	14.719.674
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.128.191.500	7.067.823.399
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	198.210.000	636.633.779
Cộng	7.357.151.792	7.719.176.852

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	269.542.601	269.542.601	1.447.321.798	21.986.407.000
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	2.076.496.692	2.076.496.692
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(47.321.798)	(47.321.798)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	269.542.601	269.542.601	2.076.496.692	22.615.581.894
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.013.123.532	2.013.123.532
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm 2012 (*)	-	176.424.835	103.824.835	(2.076.496.692)	(1.796.247.022)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	445.967.436	373.367.436	2.013.123.532	22.832.458.404

100% 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết phân phối lợi nhuận năm 2012:

+ Chia cổ tức	1.600.000.000
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	176.424.835
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	103.824.835
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	196.247.022
Cộng	2.076.496.692

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	10.200.000.000	10.200.000.000
+ Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	869.400.000	869.400.000
+ Tổng Công ty lương thực Miền Bắc	8.930.600.000	8.930.600.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng		

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	1.600.000.000	1.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	-	2.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	1.262.470.883	1.011.581.370
- Doanh thu bán thành phẩm	45.068.372.943	44.116.120.747
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.483.376.425	2.427.678.994
Cộng	48.814.220.251	47.555.381.111

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.062.090.801	9.313.341.297
Cộng	10.062.090.801	9.313.341.297

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.262.470.883	1.011.581.370
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	35.006.282.142	34.802.779.450
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.483.376.425	2.427.678.994
Cộng	38.752.129.450	38.242.039.814

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.219.125.480	935.951.386
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.400.820.388	26.164.678.878
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.394.144.337	1.352.177.500
Cộng	29.014.090.205	28.452.807.764

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	289.566.100	68.128.600
Cộng	289.566.100	68.128.600

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	44.529.532
Cộng	-	44.529.532

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	407.272.727
- Hoàn nhập quỹ dự phòng	314.535.779	-
- Thu nhập khác	442.234.886	227.026.531
Cộng	756.770.665	634.299.258

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	443.507.980
- Chi phí khác	340.660.351	110.500.481
Cộng	340.660.351	554.008.461

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	608.894.499	483.086.420
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	100.225.577	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	709.120.076	483.086.420

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.722.243.608
Các khoản điều chỉnh tăng	27.870.168
<i>Phạt nộp chậm thuế</i>	27.870.168
Các khoản điều chỉnh giảm	314.535.779
<i>Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp MVL của năm 2012 (đã tính thuế TNDN phải nộp bổ sung trong kỳ tính thuế năm 2012)</i>	314.535.779
Thu nhập tính thuế TNDN	2.435.577.997
Thuế suất thuế TNDN	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	608.894.499

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.013.123.532	2.076.496.692
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.013.123.532	2.076.496.692
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.007	1.038

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.731.646.496	24.916.113.662
- Chi phí nhân công	6.021.507.400	5.224.746.831
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.222.891.284	2.295.090.872
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.355.455.494	690.604.525
- Chi phí khác bằng tiền	3.256.745.348	2.087.931.456
Cộng	35.588.246.022	35.214.487.346

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	296.289.900
Phụ cấp	66.000.000
Cộng	<u>362.289.900</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội	Là Công ty mẹ của Công ty, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco	Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội</i>		
Chi phí sử dụng bản quyền sản xuất Bia hơi Hà Nội	565.353.112	552.936.415
Chia cổ tức	816.000.000	714.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi	870.458.182	815.301.818
Mua bia	1.047.896.535	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco</i>		
Phải thu khách hàng	11.530.890	11.238.190
Cộng nợ phải thu	<u>11.530.890</u>	<u>11.238.190</u>
<i>Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội</i>		
Phải trả người bán	3.711.561	60.710.491
Cộng nợ phải trả	<u>3.711.561</u>	<u>60.710.491</u>

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Xuất bán Bia hơi và bánh mỳ.
- Lĩnh vực thương mại: Xuất bán bia hơi, bia chai.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cho thuê văn phòng và vận tải

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm nay	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND
				Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	35.006.282.142	1.262.470.883	2.483.376.425	38.752.129.450
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	33.114.345.561	1.461.242.881	1.870.407.714	36.445.996.156
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.891.936.581	(198.771.998)	612.968.711	2.306.133.294
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	107.497.256	3.876.794	7.625.950	119.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.317.858.024	155.719.765	306.312.644	4.779.890.433
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	23.903.873.201	862.072.236	1.695.761.776	26.461.707.213
- Tài sản không phân bổ				6.368.137.725
Tổng tài sản	23.903.873.201	862.072.236	1.695.761.776	32.829.844.938
- Nợ phải trả bộ phận	8.900.556.558	320.990.771	631.413.306	9.852.960.635
- Nợ phải trả không phân bổ				144.425.899
Tổng nợ phải trả	8.900.556.558	320.990.771	631.413.306	9.997.386.534

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (liếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.368.137.725	-	2.136.866.017	-	6.368.137.725	2.136.866.017
Phải thu khách hàng và phải thu khác	682.227.381	-	651.481.129	-	682.227.381	651.481.129
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	7.050.365.106	-	2.788.347.146	-	7.050.365.106	2.788.347.146

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.189.847.111	1.418.506.691	1.189.847.111	1.418.506.691
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	7.357.151.792	7.719.176.852	7.357.151.792	7.719.176.852
Các khoản phải trả khác	8.546.998.903	9.137.683.543	8.546.998.903	9.137.683.543

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH

Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	1.189.847.111	-	-	1.189.847.111
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.357.151.792	-	-	7.357.151.792
Cộng	8.546.998.903	-	-	8.546.998.903
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	1.418.506.691	-	-	1.418.506.691
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.719.176.852	-	-	7.719.176.852
Cộng	9.137.683.543	-	-	9.137.683.543

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH

Số 05 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng

Lê Vũ Đại

Nam Định, ngày 06 tháng 02 năm 2014

Giám đốc



Phạm Văn Hiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHỈ

Ngày 16-07-2014

Số chứng thực: 9176

Quyển số: 4 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG